TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 /3/2022
Về việc"Ly hôn,
tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYÊN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Bá Long
2. Ông Trần Xuân Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" thụ lý số 20/2022/TLST- HNGĐ ngày18 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXX- ST ngày 17/2/2022 và thông báo hoãn phiên tòa số 05 ngày 28/02/2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tr, sinh năm 1995
Cư trú tại: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Bị đơn: Anh Trịnh Đức L, sinh năm 1988
Cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa. Nguyên đơn chị Trần Thị Tr trình bày: Chị và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 6 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa,

sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên vợ chồng hay to tiếng xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình, đoàn thể địa phương hòa giải nhiều lần nhưng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị Tr xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không hòa hợp và hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung cháu Trịnh Phú H, sinh 05 tháng 7 năm 2019, từ khi vợ chồng ly thân, cháu H ở với chị Tr, nay vợ chồng ly hôn, chị Tr đề nghị được tiếp tục nuôi con, tại phiên tòa chị Tr yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, bản thân chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH Giầy ADIANA Việt nam tại xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, có mức thu nhập bình quân là 6.000.000đ một tháng, có nơi ăn ở riêng ổn định, bố mẹ chị còn khỏe có điều kiện giúp chị nuôi con.

Về tài sản và nợ: Chị Tr không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Trịnh Đức L trình bày. Cơ sở kết hôn hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh thống nhất như chị Tr trình bày, anh thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị Tr xin ly hôn anh cũng xác định, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Anh L thống nhất vợ chồng có một con chung như chị Tr trình bày là đúng, từ khi vợ chồng ly thân cháu H ở với chị Tr, học tập, sinh hoạt khỏe mạnh bình thường, mặc dù từ khi vợ chồng ly thân, cháu H ở với chị Tr nhưng anh vẫn thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc con, nay vợ chồng ly hôn, do chị Tr bận đi cả ngày làm, thu nhập thấp và có lối sống cẩu thả, sẽ không chăm sóc con được tốt nên anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con, bản thân anh hiện làm đồ nội thất tại xã Thọ T, huyện T, có mức thu nhập bình quân hàng tháng hơn 12.000.000đ, có nhiều thời gian rãnh rỗi để chăm sóc con nên đủ điều kiện nuôi con tốt hơn chị Tr, còn nếu pháp luật quy định chị Tr được nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr mỗi tháng 2.000.000đồng.

Về tài sản và nợ: Anh L thống nhất ý kiến chị Tr, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát huyện Triệu Sơn phát biểu như sau:

*> Việc việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng đủ trình tư thủ tục tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tr và anh L.

Về con chung: Căn cứ việc làm, thu nhập của vợ chồng, điều kiện thực tế gia đình của mỗi bên, lứa tuổi và tâm sinh lý con trẻ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, giao chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ và được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Tr và anh Trịnh Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 6 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con chung nên vợ chồng hay có lời lẽ xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, bạn bè động viên, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay , không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo, quá trình hòa giải và tại phiên tòa cả hai vợ

chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và thuận tình, tự nguyện đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, sự thuận tình ly hôn của vợ chồng phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình, tự nguyện ly hôn của chị Tr và anh L.

[2] Về con chung: Vợ chồng đều thống nhất có 1 con chung cháu Trịnh Phú H, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2019, nay ly hôn cả hai vợ chồng đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị Tr yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của vợ chồng là chính đáng nhưng vợ chồng chỉ cómột con chung nên cần xem xét đến lứa tuổi, tâm sinh lý con trẻ, điều kiện việc làm, thu nhập mỗi bên để giao người nuôi con đảm bảo tốt nhất sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H.

Xét thấy điều kiện nuôi con của anh L: Anh Trịnh Đức L trình bày hiện tại anh làm kinh doanh đồ nội thất tự do tại địa phương, có mức thu nhập bình quân hàng tháng hơn 12.000.000đồng, bản thân anh rất yêu con và có nhiều thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt nhất còn chị Tr tính tình cẩu thả lại đi làm công ty cả ngày, thu nhập thấp, sau giờ làm thường đi ăn nhậu với bạn bè khuy mới về, bỏ bê gia đình, chồng con, nhiều lần trông con để con bị tai nạn mấy lần và bản thân có tính ăn cắp vặt nên nếu để chị Tr trực tiếp nuôi con sẽ khó đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con được tốt.

Xét điều nuôi con của chị chị Tr: Tuy chị Tr có việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng 6.000.000đồng, nhưng có nơi ăn ở ổn định, bố mẹ chị Tr đều đã nghỉ hưu, kinh tế ổn định có điều kiện giúp chị nuôi con, từ khi vợ chồng ly thân cháu H ở với chị Tr và đang học bán trú tại trường mầm non BIBI, thôn D, xã H, huyện T, có xe đưa đón tận nhà sáng đi tối về, cháu học tập, sinh hoạt khỏe mạnh bình thường, anh L cũng thừa nhận điều này. Điều kiện nuôi con của chị Tr là phù hợp với tài liệu chứng cứ, kết quả xác minh của Tòa án và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Với điều kiện của chị Tr và để ổn định tâm sinh lý, việc học tập, sinh hoạt của cháu H, nghĩ nên giao chị Tr tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H sẽ đảm bảo tốt hơn.

Xét lời trình bày của anh L tại phiên toa, anh L cho rằng chị Tr sau giờ làm không về nhà lo cho gia đình, con cái mà hay đi ăn nhậu với bạn bè khuy mới về, nhiều lần trông con để con bị tai nạn và có tính ăn cắp vặt nhưng tại

phiên tòa chị Tr không thừa nhận, anh L cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con. Qúa trình giải quyết vụ án, chị Tr không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa chị Tr yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đ một tháng, anh L thống nhất và đồng ý mức cấp dưỡng 2.000.000đ một tháng, sự thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện nên chấp nhận và buộc anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr mỗi tháng 2.000.000đồng, kể từ tháng 3/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Vì lợi ích con trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, nhưng hai bên không được lợi dụng việc nuôi con, thăm con để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H.

[3] Về tài sản, nợ: Các bên đều thống nhất không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, anh Trịnh Đức L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Các Điều 55, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận sư thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Tr và anh Trịnh Đức L.

Về con chung: Giao chị Trần Thị Tr tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Trịnh Phú H, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2019. Anh Trịnh Đức L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H cùng chị Tr mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), kể từ tháng 3 năm 2022 cho đến khi cháu Trịnh Phú H đủ 18 tuổi, Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, anh L được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở nhưng nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Về án phí: Chị Trần Thị Tr phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2021/0006416 ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, chị Tr đã nộp đủ án phí. Anh Trịnh Đức L phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Thọ Bình-Triệu Sơn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án,VP.

Lê Đình Hợp